TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 13 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bẩy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Quý.

Ông Hà Văn Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nông Văn D, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1963, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn B (đã chết) và bà Đinh Thị H; vợ Lương Thị L và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* là bà Lương Thị Hương Lan - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tràng Định. Đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Văn T – Chủ tịch, có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, có mặt.

3. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác tuần tra bảo vệ rừng, ngày 25/11/2021, Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm huyện Tràng Định phụ trách địa bàn xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn phát hiện có dấu hiệu hủy hoại rừng tại địa bàn thôn P, xã K. Hạt Kiểm lâm huyện Tràng Định phối hợp Ủy ban nhân dân xã K tiến hành kiểm tra thực tế phát hiện rừng sản xuất bị phá thuộc các thửa đất: Thửa số 127, lô số 47a, khoảnh 2, tiểu khu 51; Thửa số 118, lô số 45, khoảnh 2, tiểu khu 51; Thửa số 88, lô số 41, khoảnh 2, tiểu khu 51 (đều thuộc tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã K.

Nông Văn D khai nhận: Khoảng giữa tháng 11/2021, Nông Văn D biết được thửa đất rừng liền kề khu rừng gia đình mình đang canh tác đã được ông Hoàng Văn C chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn D, ông D thuê người chặt, phát rừng đề trồng cây tại thửa đất bên cạnh. Chính vì lẽ đó, bản thân bị can Nông Văn D cũng đang có nhu cầu trồng rừng (trồng cây hồi) để phát triển kinh tế, nên từ ngày 19/11/2021 đến ngày 24/11/2021, mặc dù không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cũng như chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhưng bị cáo Dụ vẫn một mình tự ý mang dao và rìu đến thửa đất rừng số 88, lô số 41, khoảnh 2, tiểu khu 51 (tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp năm 2008 xã K) thuộc thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn sau đó chặt, phát hoàn toàn các cây rừng tự nhiên trên đất với mục đích lấy đất trồng cây hồi.

Ngày 07/12/2021 Hạt kiểm lâm huyện Tràng định đã phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, cùng với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc hủy hoại rừng đối với thửa đất số 88, lô số 41, khoảnh 2, tiểu khu 51, kết quả xác định: Tổng diện tích rừng sản xuất bị chặt phá tại thửa đất số 88, lô số 41, khoảnh 2, tiểu khu 51 là 8.304,2m^2; tổng trữ lượng gỗ bị thiệt hại là 19,89m^3.

Tại kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 26/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn kết luận: Giá trị tài sản 19,89m^3 gỗ và lâm sản ngoài gỗ bị chặt phá trên tổng diện tích 8.304,2m^2 là 9.945.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSTĐ ngày 01/3/2022, đã truy tố bị cáo Nông Văn D phạm tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cũng như số liệu đo diện tích rừng như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa

nhận dù biết phải xin phép trước khi cải tạo rừng sản xuất, nhưng không rõ phải thực hiện như thế nào, bản thân được quản lý, sử dụng diện tích rừng sản xuất thửa 88, lô số 41, khoảnh 2, tiểu khu 51 từ năm 2000 đến nay mà không ai tranh chấp, không tranh chấp với ai, không biết và không hiểu về các thủ tục theo quy định về việc việc bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là việc thay mới, trồng rừng đối với rừng sản xuất. Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo đã vay mượn tiền để bồi thường thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả. Bị cáo rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đại diện Ủy ban nhân dân xã K cho biết, bản thân bị cáo đã quản lý, sử dụng diện tích rừng sản xuất này từ năm 2000 đến nay. Tuy nhiên, khi đo đạc để cấp giấy chứng nhận thì lỗi cán bộ đi đo đạc, không nắm được người quản lý thực tế nên không quy chủ cho bị cáo mà ghi tên trên sổ địa chính là Ủy ban nhân dân xã K. Ủy ban nhân dân xã cũng đề nghị các cấp nếu đủ điều kiện thì đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo. Đối với bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Văn D thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng, thừa nhận đã mua diện tích rừng giáp với thửa 88, lô số 41, khoảnh 2, tiểu khu 51 và cho người chặt phát để trồng cây. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C thừa nhận đã bán diện tích liền kề cho anh D và dẫn đến việc anh D phát rừng trồng cây, thấy vậy bị cáo mới phát rừng theo.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội "Hủy hoại rừng"; áp dụng thêm điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng thử thách. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tràng Định quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong hạn thử thách. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị tịch thu tiêu hủy tang vật không còn giá trị mà bị cáo dùng vào việc phạm tội, đối với số tiền bị cáo khắc phục hậu quả, đề nghị tịch thu vào ngân sách Nhà nước. Đối với số gỗ tạp bị cáo đã chặt, hiện đã mục và nằm tại rừng, không đề nghị xem xét.

Trong phần tranh luận, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đồng thời cho rằng bị cáo nhận thức pháp luật rất hạn chế, nguyên nhân dẫn đến hành vi phát rừng xuất phát từ mục đích phát triển kinh tế mà thiếu đất sản xuất; bị cáo có nhân thân tốt, chưa phạm tội lần nào, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, có mẹ và vợ, bản thân bị cáo đều tham gia lực lượng dân quân hỏa tuyến; bản thân đã khắc phục thiệt hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử mức án thấp mà Viện kiểm sát đề nghị; bị cáo nhất trí với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng

xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng mức án thấp để về tiếp tục lao động sản xuất.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương và hứa sẽ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định, bị cáo đã trực tiếp phá rừng sản xuất nhằm mục đích để trồng mới, trong khi chưa được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với diện tích 8.304,2m^2. Để có mức án phù hợp với bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tính chất hành vi, ý thức chủ quan và động cơ mục đích, các tình tiết về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi của bị cáo, thấy rằng:

[3] Bị cáo thực hiện hành vi chặt phá cây trên đất rừng sản xuất là nhằm thay đổi cây trồng có hiệu quả, không phải là hành vi chặt phá nhằm khai thác gỗ hay lâm sản, trong khi đó, cây thân gỗ chiếm tỷ lệ nhỏ 19,89m^3 gỗ /8.304,2m^2 đất rừng, theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được xác định là rừng nghèo. Mặc dù bị cáo biết quy định của pháp luật là phải được phép, có kế hoạch, có dự án để khai thác, thay thế và trồng mới, nhưng vì thấy người khác thuê người phát, dọn, chặt cây để trồng rừng nên đã học theo và trực tiếp phát, chặt phá rừng để thay mới cây trồng. Mặt khác, bị cáo vì muốn thoát nghèo, dù có rừng đang quản lý nhưng biết phải làm như thế nào để được sản xuất, điều kiện kinh tế lại khó khăn, nhận thức có phần hạn chế, thiếu kiến thức pháp luật, đồng thời các cơ quan quản lý cũng không có hướng dẫn cụ thể để thực hiện hoặc đề xuất với cấp có thẩm quyền để nhân dân làm giàu từ rừng sản xuất từ đó dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, là người lao động thuần túy, không có tiền án, tiền sự; trình độ văn hóa thấp, hiểu biết về pháp luật, xã hội còn rất nhiều hạn chế nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết định khung, bị cáo không có tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo và gia đình đã cố gắng nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền 9.945.000 đồng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, thuộc hộ cận nghèo, không nhận thức hết các quy định của pháp luật; bản thân vợ, mẹ và bị cáo có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đại diện Ủy ban nhân dân xã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ cần có mức án phù hợp, tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện, không buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội cũng đảm bảo tính giáo dục riêng, răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung và việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo: Xét thấy, bị cáo sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, có thể miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo và nếu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, có thể không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội. Đối với số tiền bị cáo khắc phục thiệt hại cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với số gỗ tạp mà bị cáo đã chặt phá hiện vẫn ở lại rừng. Theo biên bản ngày 28/02/2022, giữa các cơ quan có thẩm quyền xác định thực trạng thì số gỗ tạp đã bị mục, hiện không còn giá trị thực tế. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Đối với hành vi hủy hoại rừng xảy ra tại các thửa đất Thửa số 127, lô số 47a, khoảnh 2, tiểu khu 51; Thửa số 118, lô số 45, khoảnh 2, tiểu khu 51, hiện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tràng Định đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong vụ án khác. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9] Từ những nhận định này, chấp nhận những ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và những ý kiến không phù hợp thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội thì phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn D 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nông Văn D cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu hủy: Một con dao kim loại màu đen dài 35cm, bản rộng 05 cm; một rìu kim loại màu đen dài 10cm, có tra cán gỗ màu nâu dài 75cm, đã qua sử dụng.

(*theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2022 giữa Công an huyện Tràng Định và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn).*

- Tịch thu vào Ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo phải khắc phục thiệt hại 9.945.000 (chín triệu chín trăm bốn mươi năm nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0006584, ngày 17/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nông Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5**. Về quyền kháng cáo**: Bị cáo Nông Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Bị cáo tại ngoại (theo địa chỉ)
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bẩy